TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/HC-PT
Ngày: 21-8- 2025
V/v "*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: bà Võ Thị Ngọc Dung
ông Phùng Anh Dũng

- *Thư ký phiên tòa*: bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2025 V/v "*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14A/2025/HC-ST ngày 12-3-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 280A/2025/QĐ-PT ngày 07/8/2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Trần P, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn B, xã N, thành phố Đà Nẵng).

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn B, xã N, thành phố Đà Nẵng).

- Bà Trần Thị Trà V, sinh năm 1996; địa chỉ: số E N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là số E N, phường H, thành phố Đà Nẵng), có mặt tại phiên toà.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ), có Đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp: ông Trần Đình L, chức vụ- Phó Chủ tịch Thường trực Hội Luật gia tỉnh Q (cũ), vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là UBND và Chủ tịch UBND xã P, thành phố Đà Nẵng), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và UBND huyện P:

+ Ông Phan Dương M, chức vụ - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P (cũ), vắng mặt.

+ Ông Lê H, chức vụ - Phó Giám đốc Trung tâm P1, thương mại, dịch vụ - Quỹ đất huyện P (cũ), vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Trần P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại Đơn khởi kiện của ông Trần P, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, bà Trần Thị Bích T trình bày:

Ngày 22/3/2017, ông Trần P nhận chuyển nhượng của ông Trần Tuấn H1 một thửa đất có diện tích 700 m², thuộc thửa số 634, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài, tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Thửa đất này đã được Uỷ ban nhân dân (UBND) thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số E0264597 ngày 24/01/1995 cho ông Trần H1 (đã được đính chính thông tin ngày 23/3/2017 thành Trần Tuấn H1). Việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất được thực hiện vào ngày 24/4/2017, kể từ đó gia đình ông P sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai.

Năm 2020, một phần diện tích thuộc thửa đất nêu trên nằm trong phạm vi thực hiện dự án mở rộng tuyến Quốc lộ D (đoạn từ đường cao tốc đến thị trấn T). Tuy nhiên, UBND huyện P và đơn vị đo đạc là Công ty Cổ phần A không thông báo và không mời gia đình ông tham gia đo đạc, kiểm kê tài sản trên đất. Do đó, đã dẫn đến việc ông Nguyễn Thanh H2 (sử dụng đất liền kề) được đo đạc và bồi thường sai vào phần đất của ông P, gây sai lệch về vị trí và hiện trạng sử dụng đất thực tế.

Ngày 22/12/2020, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 5924/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 210,5 m² đất tại thửa số 634 để thực hiện dự án nêu trên. Tuy nhiên, do không được thông báo, không được mời tham gia đo đạc, kiểm kê nên ông P không đồng ý với quyết định thu hồi và không ký nhận Quyết định số 5924/QĐ-UBND cùng các văn bản kèm theo.

Ngày 14/01/2021, ông P gửi Đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch UBND huyện P, yêu cầu xác định lại ranh giới giữa thửa đất số 634 và thửa đất liền kề của ông Nguyễn Thanh H2. Ngày 21/01/2021, UBND huyện P ban hành Công

văn số 60/UBND giao UBND xã T kiểm tra, xác minh, giải quyết vụ việc, nhưng UBND xã không thực hiện. Tiếp đó, ông P tiếp tục gửi Đơn khiếu nại lần hai vào ngày 11/3/2021. UBND huyện có Công văn số 268/UBND-TD ngày 31/3/2021 đề nghị UBND xã T giải quyết trước ngày 15/4/2021. Tuy nhiên, UBND xã T vẫn không thực hiện. Ngày 15/4/2021, ông tiếp tục gửi Đơn khiếu nại lần ba và UBND huyện ban hành Công văn số 366/UBND-TD ngày 23/4/2021 tiếp tục yêu cầu UBND xã T giải quyết trước ngày 30/4/2021, nhưng vẫn không được giải quyết. Do đó, ông P đã gửi Đơn đến UBND tỉnh Q và Ban N đề nghị xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Ngày 18/5/2021, UBND huyện P có Công văn số 467/UBND-TD giao Thanh tra huyện chủ trì giải quyết vụ việc, báo cáo kết quả trước ngày 10/6/2021. Trong quá trình làm việc với Thanh tra huyện, Ban quản lý dự án – Quỹ đất – Đô thị huyện và UBND xã T, ông P nhiều lần phản ánh việc đo đạc không có sự tham gia của gia đình, dẫn đến sai lệch vị trí thửa đất số 634, nhưng không được xem xét, giải quyết. Do đó, ông không đồng ý với phương án giải quyết của Thanh tra huyện và UBND huyện P.

Ngày 19/10/2021, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 7017/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 5924/QĐ-UBND, tăng diện tích thu hồi lên thành 402 m² (gồm 153,3 m² đất ở và 248,7 m² đất trồng cây lâu năm). Ngày 22/10/2021, Chủ tịch UBND huyện tiếp tục ban hành Quyết định số 7049/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung với số tiền 625.840.290 đồng. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ông nhận được theo Thông báo số 80/TB-BQLDA-QĐ-ĐT ngày 16/11/2021 là 987.584.540 đồng. Tuy nhiên, do không biết cụ thể vị trí đất bị thu hồi, cách thức đo đạc và diện tích còn lại sau thu hồi, nên gia đình ông không đồng ý nhận tiền bồi thường.

Ngày 02/11/2021, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 7239.01/QĐ-UBND thu hồi Thông báo thụ lý số 284/TB-UBND và Quyết định số 3029/QĐ-UBND cùng ngày 05/7/2021, với lý do các quyết định khiếu nại đã được thay thế bằng Quyết định số 7017/QĐ-UBND và Quyết định số 7049/QĐ-UBND. Ngay sau đó, ông P tiếp tục gửi Đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện và được UBND huyện ban hành Thông báo số 840/TB-UBND ngày 09/11/2021 về việc thụ lý khiếu nại lần đầu.

Ngày 06/01/2022, khi việc giải quyết khiếu nại chưa có kết quả, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông P. Gia đình ông không được cung cấp bản trích đo thửa đất kèm theo quyết định. Tại buổi đối thoại ngày 12/01/2022, ông yêu cầu Ban cưỡng chế cung cấp hồ sơ đo đạc nhưng không được đáp ứng. Trong buổi đối thoại, ông Trần Quốc D1 - Phó Chủ tịch UBND huyện P, Trưởng ban cưỡng chế cho rằng gia đình ông đã tham gia đo đạc và ký đầy đủ hồ sơ. Tuy nhiên, ông P khẳng định

gia đình không tham gia bất kỳ hoạt động đo đạc nào và yêu cầu cung cấp hồ sơ chứng minh. UBND huyện cung cấp một bản trích đo, nhưng ông xác định toàn bộ chữ ký trong các tài liệu không phải do ông ký.

Sau nhiều lần phản ánh, trình bày việc hồ sơ đo đạc không có chữ ký của ông và không được mời dẫn đạc, UBND huyện vẫn không xem xét giải quyết. Vì vậy, ngày 09/02/2022, ông gửi Đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P đề nghị điều tra hành vi giả mạo chữ ký của ông trong hồ sơ đo đạc ngày 10/5/2020.

Ngày 09/3/2022, ông tiếp tục khiếu nại các Quyết định số 5924, 7017 và 7049 đến Chủ tịch UBND huyện P, đồng thời nhiều lần phản ánh về việc hồ sơ đo đạc không phải do ông ký, việc xác định ranh giới, hiện trạng sử dụng đất sai thực tế dẫn đến thu hồi, cưỡng chế trái quy định pháp luật. Tuy nhiên, ngày 18/4/2022 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 1206/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu, không chấp nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông.

Sau khi nhận được Quyết định số 1206/QĐ-UBND, ngày 04/5/2022 ông gửi Đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Q, đề nghị xem xét lại việc thu hồi, bồi thường và hỗ trợ tại thửa đất số 634 nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp của gia đình. Trong quá trình làm việc với UBND tỉnh, ông tiếp tục phản ánh rằng UBND huyện P đã không thông báo đo đạc, quá trình đo đạc và kiểm kê tài sản trên đất không có sự chứng kiến của ông, dẫn đến những sai phạm trong việc thu hồi và bồi thường đất. Tuy nhiên, ngày 21/7/2022 Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1925/QĐ-UBND, không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông.

Vào tháng 7 năm 2022, ông P nhận được toàn bộ hồ sơ giải quyết đơn tố cáo ngày 09/02/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện P. Theo đó, tại Kết luận giám định số 64/KL-KTHS ngày 12/5/2022 của Phòng K – Công an tỉnh Q, được thực hiện theo Quyết định trưng cầu giám định số 22/QĐ-TCGĐ ngày 25/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện P, kết luận toàn bộ các chữ ký trên hồ sơ đo đạc ngày 10/5/2020 không do cùng một người ký, viết ra.

Tiếp theo đó, ngày 29/6/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P ban hành Văn bản số 95/CSĐT, xác định ông Trần Hưng L1 – nguyên là nhân viên Công ty Cổ phần A, hiện đang công tác tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N, tỉnh Quảng Nam là người đã giả mạo chữ ký của ông P trên toàn bộ hồ sơ đo đạc thực hiện ngày 10/5/2020.

Ông P cho rằng, hành vi giả mạo chữ ký nêu trên đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, buộc ông phải khiếu nại, khiếu kiện nhiều lần, đồng thời bị cưỡng chế thu hồi đất một cách trái pháp luật. Việc lập hồ sơ thu hồi đất trên cơ sở chữ ký bị giả mạo đã vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật đất đai. Ngoài ra, UBND huyện P đã căn cứ vào các hồ sơ giả mạo do

ông Trần Hưng L1 lập được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt để ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông là không đúng với quy định của pháp luật về đất đai.

Do đó, ông P đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, giải quyết các nội dung yêu cầu sau đây:

- Hủy Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND huyện P, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Q (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường tránh thị trấn T) tại thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02, diện tích 700m² đất thổ cư của ông Trần P tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 7017/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện P về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Q (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường T); địa điểm: xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 7049/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Trần P, trú tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để GPMB đầu tư xây dựng đường Quốc lộ D3 (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường T); địa điểm: xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần P, trú tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để GPMB đầu tư xây dựng đường Quốc lộ D3 (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường T thị trấn T).

- Hủy Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần P, trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần P, trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần 2).

- Buộc UBND huyện P xác định lại vị trí thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02, diện tích 700m², loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài tọa lạc tại xã T, Huyện P, tỉnh Quảng Nam (cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/01/1995) có vị trí đất liền kề với thửa đất của gia đình ông Nguyễn Thanh H2 để đúng với hiện trạng sử dụng, chuyển nhượng từ trước đến nay của ông Trần P.

- Buộc UBND huyện P, tỉnh Quảng Nam thực hiện lại thủ tục thu hồi đất tại thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam đã được UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0264597 vào ngày 24/01/1995 cho ông Trần P theo đúng quy định pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường theo đơn giá đất ở đối với phần diện tích đất đã thu hồi thuộc thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02, diện tích 700m^2, loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam và công nhận loại đất ở đối với phần diện tích đất còn lại sau khi thu hồi thuộc thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02 tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần P theo đúng quy định của pháp luật (thửa đất được UBND thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0264597 ngày 24/01/1995 cho hộ ông Trần H1).

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch UBND huyện P trình bày:

Thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02, diện tích 700,0m² có nguồn gốc từ hộ ông Trần Tuấn H1, được UBND thị xã T cấp GCNQSDĐ ngày 24/01/1995. Sau đó, ông H1 chuyển nhượng cho ông Trần P và được Văn phòng Đ Chi nhánh P2 chỉnh lý biến động ngày 24/4/2017 với diện tích 700,0m², trong đó gồm 200,0m² đất ở và 500,0m² đất trồng cây lâu năm. Trên GCNQSDĐ không thể hiện tọa độ, tứ cận của thửa đất.

Trong quá trình thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ D (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường T thị trấn T), cơ quan chuyên môn tiến hành trích đo giải thửa tại khu vực thửa đất số 5, tờ bản đồ số 06, trong đó có phần diện tích bị ảnh hưởng của thửa đất số 634. Kết quả trích đo xác định tổng diện tích là 1.073m², trong đó diện tích thu hồi là 583,5m², còn lại ngoài phạm vi dự án là 489,5m². Theo xác nhận của UBND xã T, trong phần 583,5m² đất bị thu hồi có 210,5m² thuộc thửa đất số 634 của hộ ông Trần P và 373,0m² còn lại thuộc một phần thửa đất số 758 là đất công do UBND xã T quản lý.

Trên cơ sở đó, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 thu hồi 210,5m² đất vườn của hộ ông Trần P và Quyết định số 6148/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 phê duyệt phương án bồi thường với tổng giá trị bồi thường là 361.744.250 đồng. Tuy nhiên, ông Trần P không đồng ý với diện tích bị thu hồi nên không bàn giao mặt bằng và có Đơn khiếu nại.

Vì vậy, U Quản lý Dự án - Quỹ đất - Đô thị tiến hành kiểm kê, đo đạc, cắm mốc tại thực địa để xác định chính xác vị trí và diện tích đất thuộc thửa 634 bị thu hồi. Kết quả xác định cho thấy, trong 583,5m² đất bị ảnh hưởng, có 402,0m² nằm trong thửa đất số 634 của ông Trần P, phần còn lại là 181,5m² thuộc thửa đất số 758 do UBND xã quản lý. Việc diện tích bị thu hồi tại thửa 634 tăng từ 210,5m² lên 402,0m² là do điều chỉnh hướng tuyến giao thông theo Công văn số 743/BQLGT-QLDA1 ngày 20/5/2020 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam.

Trên cơ sở đó, UBND huyện ban hành các quyết định bổ sung và điều chỉnh: Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung; Quyết định số 7017/QĐ-UBND cùng ngày điều chỉnh nội

dung Quyết định số 5924/QĐ-UBND và Quyết định số 7049/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 phê duyệt bổ sung bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Trần P với số tiền 625.840.290 đồng. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo hai quyết định là 987.584.540 đồng. Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đối với nội dung khởi kiện cho rằng UBND huyện P thu hồi đất không đúng vị trí:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện cho rằng do GCNQSDĐ không thể hiện thông tin tọa độ, tứ cận, nên việc xác định vị trí phải dựa vào bản đồ 64. Việc đo đạc, xác định vị trí do Công ty Cổ phần A thực hiện, có phối hợp với UBND xã T và hộ gia đình ông Trần P. Trên cơ sở số hóa bản đồ theo Nghị định 64 và kiểm tra hiện trạng thực tế, cơ quan chuyên môn xác định diện tích đất bị thu hồi thuộc thửa 634 là 402,0m², được xác định theo 04 điểm khống chế tọa độ (X,Y), kèm sơ đồ trích đo và biên bản làm việc ngày 02/7/2021.

Do đó, việc xác định phạm vi và diện tích thu hồi là chính xác, không ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh H2. Ban Quản lý Dự án – Quỹ đất – Đô thị không kiểm kê và không tính bồi thường phần 40,0m² đất nào thuộc thửa 634 cho ông Nguyễn Thanh H2. Nếu ông Trần P cho rằng diện tích đất nói trên thuộc quyền sử dụng của gia đình ông, thì có thể nộp Đơn tranh chấp đất đai đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Đất đai.

Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất 402,0m² bị thu hồi theo đơn giá đất ở:

Phía UBND huyện P cho rằng không có cơ sở chấp nhận. Bởi theo GCNQSDĐ, tại thời điểm chỉnh lý biến động khi ông P nhận chuyển nhượng từ ông H1, chỉ được công nhận 200,0m² đất ở và 500,0m² đất trồng cây lâu năm. Trong số 402,0m² bị thu hồi có 153,3m² là đất ở đã được bồi thường theo đơn giá đất ở, phần còn lại 248,7m² là đất vườn đã được bồi thường đúng theo quy định. Do đó, yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 402,0m² theo giá đất ở là không có căn cứ pháp luật.

Về khiếu nại, sau khi nhận Đơn khiếu nại lần đầu của ông Trần P, Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 18/4/2022, không chấp nhận nội dung khiếu nại. Sau đó, ông P tiếp tục khiếu nại lần hai đến UBND tỉnh Q và Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 cũng không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông P.

Từ những phân tích nêu trên, UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần P.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Q, trình bày:

Chủ tịch UBND tỉnh Q giữ nguyên quan điểm đã nêu tại Công văn số 7177/UBND-NCKS ngày 20/10/2023 về việc ý kiến liên quan đến vụ án hành chính do ông Trần P khởi kiện, đồng thời thống nhất toàn bộ nội dung trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND huyện P đã nêu trên Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14A/2025/HC-ST ngày 12-3-2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 15/2025/QĐ-TA ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần P về việc:

- Hủy Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND huyện P, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Q (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường tránh thị trấn T) tại thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02, diện tích 700m² đất thổ cư của ông Trần P tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 7017/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện P về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Q (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường T); địa điểm: xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 7049/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Trần P, trú tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để GPMB đầu tư xây dựng đường Quốc lộ D3 (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường T); địa điểm: xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần P, trú tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để GPMB đầu tư xây dựng đường Quốc lộ D3 (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường T thị trấn T).

- Hủy Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần P, trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần P, trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần 2).

- Buộc UBND huyện P xác định lại vị trí thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02 (trên thực tế là thửa đất số 03), diện tích 700m², loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/01/1995) có vị trí đất liền kề với thửa đất của gia đình ông Nguyễn Thanh H2 để đúng với hiện trạng sử dụng, chuyển nhượng từ trước đến nay của ông Trần P.

- Buộc UBND huyện P, tỉnh Quảng Nam thực hiện lại thủ tục thu hồi đất tại thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02 (trên thực tế là thửa đất số 03), tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam đã được UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0264597 vào ngày 24/01/1995 cho ông Trần P theo đúng quy định pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường theo đơn giá đất ở đối với phần diện tích đất đã thu hồi thuộc thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02 (trên thực tế là thửa đất số 03), diện tích 700m^2, loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam và công nhận loại đất ở đối với phần diện tích đất còn lại sau khi thu hồi thuộc thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02 (trên thực tế là thửa đất số 03) tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần P theo đúng quy định của pháp luật (thửa đất được UBND thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0264597 ngày 24/01/1995 cho hộ ông Trần H1).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 27/3/2025, ông Trần P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị Trà V là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện, Đơn kháng cáo. Tôi yêu cầu huỷ các quyết định hành chính, bồi thường đất theo giá đất ở, xác định lại vị trí đất của ông P, vì hồ sơ đất đai là giả mạo chữ ký của ông P, có vi phạm về trình tự, thủ tục ban hành. Do đó, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận Đơn khởi kiện.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Trần P là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quyết định: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần P là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Trần P kháng cáo nhưng không cung cấp chứng

cứ để chứng minh kháng cáo là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 27/3/2025, ông Trần P kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 14A/2025/HC-ST ngày 12-3-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, kháng cáo của ông Trần P là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần P:

[2.1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ông Trần P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết hủy các quyết định hành chính do Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch UBND huyện P ban hành, gồm: Quyết định thu hồi đất, Quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan. Các quyết định nêu trên đều là các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 1925/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Q, ngày 14/4/2023 ông Trần P nộp Đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Đối với các Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện P (Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 về thu hồi đất của ông Trần P; Quyết định số 7017/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; Quyết định số 7049/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Trần P).

[2.2.1] Thửa đất có diện tích 700m² do ông Trần P sử dụng tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam có nguồn gốc do ông Trần H1 (Trần Tuấn H1) kê khai theo Nghị định 64/CP, được UBND thị xã T (cũ) cấp GCNQSDĐ ngày 24/01/1995. Đến năm 2017, ông Trần H1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần P, việc chỉnh lý biến động được Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh P2 thực hiện, xác định thửa đất có diện tích 700 m², trong đó 200 m² đất ở, 500 m² đất trồng cây lâu năm. Việc chỉnh lý này được thực hiện theo hồ sơ địa chính tại thời điểm đó và đã không bị khiếu nại.

[2.2.2] Về trình tự, thủ tục thu hồi đất, ban đầu trong quá trình đo đạc lập hồ sơ thu hồi đất có xảy ra sai sót khi Công ty CP A thực hiện đo đạc mà không có

sự tham gia xác nhận của ông Trần P. Tuy nhiên, sai sót này đã được khắc phục khi cơ quan có thẩm quyền thực hiện đo đạc lại vào ngày 26/8/2020, có sự tham gia và xác nhận của ông Trần P. Trên cơ sở kết quả đo đạc lại, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 7017/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 điều chỉnh diện tích thu hồi từ 210,5 m² lên 402 m². Việc điều chỉnh tuyến đường dẫn đến tăng diện tích thu hồi là thực tế khách quan, được xác định tại văn bản của Ban Q công trình giao thông tỉnh Quảng Nam. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc thu hồi đất có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng trình tự, thủ tục pháp luật; các quyết định thu hồi đất sau khi đã điều chỉnh có căn cứ thực tế, được người sử dụng đất xác nhận và tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đất đai 2013. Do đó, không có căn cứ để hủy bỏ các quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất nêu trên như yêu cầu của người khởi kiện.

[2.2.3] Liên quan đến việc xác định loại đất làm căn cứ bồi thường, ông Trần P cho rằng toàn bộ diện tích 402m² bị thu hồi là đất ở và việc ghi trong GCNQSDĐ là đất trồng cây lâu năm là không đúng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: tại trang 4 GCNQSDĐ cấp cho ông Trần H1 vào ngày 24/01/1995, Văn phòng Đ Chi nhánh P2 thực hiện đăng ký biến động sang tên cho ông Trần P đã xác định thửa đất có diện tích 700 m², trong đó 200 m² đất ở, 500 m² đất trồng cây lâu năm và ông Trần P đã không khiếu nại hay phản ánh về nội dung chỉnh lý này. Trên cơ sở trích đo bản đồ thực địa và các tài liệu địa chính hiện hành, UBND huyện P đã xác định diện tích thu hồi gồm 153,3 m² đất ở và 248,7 m² đất vườn là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Trần P về việc huỷ các Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2020, Quyết định số 7017/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND huyện P về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 và Quyết định số 7049/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND huyện P thu hồi, bồi thường đối với diện tích 153,3m² đất ở và 248,7m² đất vườn tại thửa 634, tờ bản đồ số 03, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Trần P.

[2.3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2022, Hội đồng xét xử nhận thấy: UBND huyện P đã ban hành quyết định cưỡng chế trên cơ sở Quyết định thu hồi đất đã có hiệu lực, đã thực hiện đầy đủ các bước vận động, thuyết phục, niêm yết công khai, lập Biên bản vi phạm trước khi tiến hành cưỡng chế, đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[2.4] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện P và Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần P, Hội đồng xét xử nhận thấy: việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần P khi thu hồi diện tích 402m² tại thửa đất số 634, tờ bản đồ số 03 tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND huyện P và Chủ tịch UBND

tỉnh Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trần P là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Trần P về yêu cầu huỷ các quyết định này.

[2.5] Về yêu cầu xác định lại vị trí thửa đất, ông Trần P cho rằng vị trí đất bị thu hồi không đúng với hiện trạng sử dụng thực tế, Hội đồng xét xử nhận thấy: tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 1995 chưa áp dụng hệ tọa độ chính quy như hiện nay, nên sai lệch về tờ bản đồ (tờ số 02 và tờ số 03) là do kỹ thuật, không làm thay đổi hiện trạng và quyền sử dụng đất. Vì vậy, yêu cầu của ông P về việc xác định lại vị trí thửa đất không có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện P thực hiện lại toàn bộ thủ tục thu hồi đất, Hội đồng xét xử nhận thấy: các quyết định thu hồi, điều chỉnh, bồi thường và cưỡng chế đã được ban hành đúng trình tự pháp luật, có căn cứ và đã được khắc phục các sai sót ban đầu. Việc yêu cầu làm lại toàn bộ thủ tục là không cần thiết và không có căn cứ pháp lý.

[2.7] Đối với yêu cầu buộc công nhận lại toàn bộ diện tích thửa đất 700m² là đất ở, Hội đồng xét xử nhận thấy: đây không phải là đối tượng của các quyết định hành chính bị khiếu kiện trong vụ án này, đồng thời yêu cầu công nhận lại loại đất cho toàn bộ thửa đất không thuộc phạm vi xét xử nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và với những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 14A/2025/HC-ST ngày 12-3-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định bác Đơn khởi kiện của ông Trần P là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, bác kháng cáo của ông Trần P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Trần P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần P về việc:

- Hủy Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND huyện P, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Q (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường tránh thị trấn T) tại thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02, diện tích 700m² đất thổ cư của ông Trần P tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 7017/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5924/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện P về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Q (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường T); địa điểm: xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 7049/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Trần P, trú tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để GPMB đầu tư xây dựng đường Quốc lộ D3 (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường T); địa điểm: xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần P, trú tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để GPMB đầu tư xây dựng đường Quốc lộ D3 (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường T thị trấn T).

- Hủy Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần P, trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần P, trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần 2).

- Buộc UBND huyện P xác định lại vị trí thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02 (trên thực tế là thửa đất số 03), diện tích 700m², loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/01/1995) có vị trí đất liền kề với thửa đất của gia đình ông Nguyễn Thanh H2 để đúng với hiện trạng sử dụng, chuyển nhượng từ trước đến nay của ông Trần P.

- Buộc UBND huyện P, tỉnh Quảng Nam thực hiện lại thủ tục thu hồi đất tại thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02 (trên thực tế là thửa đất số 03), tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam đã được UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0264597 vào ngày 24/01/1995 cho ông Trần P theo đúng quy định pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường theo đơn giá đất ở đối với phần diện tích đất đã thu hồi thuộc thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02 (trên thực tế là thửa đất số 03), diện tích 700m², loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam và công nhận loại đất ở đối với phần diện tích đất còn

lại sau khi thu hồi thuộc thửa đất số 634, tờ bản đồ số 02 (trên thực tế là thửa đất số 03) tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trần P theo đúng quy định của pháp luật (thửa đất được UBND thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0264597 ngày 24/01/1995 cho hộ ông Trần H1).

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần P phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000361 ngày 03/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Võ Thị Ngọc Dung **Phùng Anh Dũng** **Trần Quốc Cường**